

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày: 28-9-2021
V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Bình.

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04a/2021/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 03/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội. Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, TP Hà Nội.

Người Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sỹ H – Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện N; theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bình M, sinh năm 1956; nơi ĐKKHKT: Xóm L, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quang Th, sinh năm 1950; nơi ĐKKHKT: Xóm L, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2021, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Nguyên đơn trình bày:

Theo “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay” ngày 05/4/2013 và 10/6/2013, bà Nguyễn Thị Bình M là người đại diện cho gia đình thực hiện các giao dịch vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện N (say đây gọi là Ngân hàng) để vay vốn theo chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường và Hộ cận nghèo để xây dựng công trình nước sạch, hồ xí và mua Trâu sinh sản, cụ thể:

Ngày 13/4/2013, vay 8.000.000 đồng theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn để xây dựng bể chứa nước và hồ xí. Lãi suất 0,9%/tháng; lãi suất quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn vay 60 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/4/2018.

Ngày 09/7/2013 vay theo chương trình hộ cận nghèo với số tiền 30.000.000 đồng mua Trâu sinh sản. Lãi suất 0,845%/tháng, lãi suất quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn vay 37 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/8/2016.

Tổng số tiền vay của 02 chương trình là 38.000.000 đồng.

Sau khi Hợp đồng được ký kết, Ngân hàng đã giải ngân cho khách hàng theo đúng cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Bình M đã trả số tiền nợ gốc của 02 khoản vay là 5.000.000 đồng. Tính đến ngày 28/9/2021 còn nợ số tiền gốc là 33.000.000 đồng; nợ lãi: 29.671.474 đồng, cụ thể:

- Đối với khoản vay theo chương trình Hộ cận nghèo: Tổng số tiền 53.391.029 đồng, trong đó nợ gốc là 29.000.000 đồng, nợ lãi 24.391.029 đồng, (lãi trong hạn 19.698.392 đồng, lãi quá hạn 4.692.637 đồng).

- Đối với khoản vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường: Tổng số tiền 9.280.445 đồng, trong đó nợ gốc là 4.000.000 đồng, nợ lãi 5.280.445 đồng (lãi trong hạn 4.514.493 đồng, lãi quá hạn 765.952 đồng).

Tổng hai khoản vay là 62.671.471 đồng, trong đó nợ gốc là 33.000.000 đồng; nợ lãi 29.671.474 đồng.

Toàn bộ số nợ trên đã quá hạn, nhưng bà M và ông Thành không chấp hành việc trả nợ, mặc dù đã được ngân hàng, chính quyền địa phương, tổ chức hội đồng đốc thúc dục nhưng bà M vẫn không chịu trả nợ lại còn bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho việc thu hồi nợ. Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bình M và ông Trần Quang Th phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Bình M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang Th đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm quyền thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử là đúng thời hạn theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chuyển hồ sơ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình, thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 299; Điều 317, Điều 318; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323; Điều 429 Bộ luật dân sự; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Bình M và ông Trần Quang Th phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện N số tiền của 02 khoản vay tính đến ngày 28/9/2021 là 62.671.471 đồng, trong đó nợ gốc là 33.000.000 đồng; nợ lãi 29.671.474 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Bình M và ông Trần Quang Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Bình M và ông Trần Quang Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu bà Nguyễn Thị Bình M và ông Trần Quang Th có nơi ĐKKHKT tại xóm Y, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An trả nợ cho Ngân hàng theo các Giấy đề nghị vay vốn đã ký kết. Vì vậy, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của Bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trong đơn khởi kiện, Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc của Bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; sau khi thu lý, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng họ không còn cư trú theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp và việc Bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình dấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định.

[2]. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Bình M đại diện cho hộ gia đình có ký 02 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, cụ thể:

- Ngày 05/4/2013 (được Ngân hàng phê duyệt ngày 10/4/2013), số tiền vay: 8.000.000 đồng; đã thanh toán 4.000.000đ tiền gốc. Tính đến ngày 28/9/2021 còn nợ: 4.000.000đ tiền gốc và tiền lãi 5.280.445 đồng.

- Ngày 10/6/2013 (được Ngân hàng phê duyệt ngày 02/7/2013), số tiền vay: 30.000.000 đồng; đã thanh toán 1.000.000 đồng tiền gốc. Tính đến ngày 28/9/2021 còn nợ: 29.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 24.391.029 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Bình M đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 5.000.000 đồng nợ gốc. Tính đến ngày 28/9/2021, bà Nguyễn Thị Bình M và ông Trần Quang Th còn nợ Ngân hàng, tổng số tiền: 62.671.471 đồng, (trong đó nợ gốc là 33.000.000 đồng; nợ lãi 29.671.474 đồng).

Xét các Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội; việc cho vay và sử dụng vốn vay đúng mục đích và phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng kỳ hạn đã cam kết. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên

quan thanh toán tổng số tiền còn nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/9/2021 là 62.671.471 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi khách hàng trả hết nợ theo lãi suất quy định tại các Giấy đề nghị vay vốn đã ký kết là có cơ sở cần chấp nhận.

[4]. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Xét bà Nguyễn Thị Bình M và ông Trần Quang Th là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 323, Điều 342, Điều 350, Điều 351, Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Bình M và ông Trần Quang Th phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội tính đến ngày 28/9/2021 với tổng số tiền: 62.671.471 đồng, (trong đó nợ gốc là 33.000.000 đồng; nợ lãi 29.671.474 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Bình M và ông Trần Quang Th.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại

Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Mạnh